

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris
về Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP năm 2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động thích ứng với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH;

Căn cứ Quyết định 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tăng trưởng xanh;

Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới;

Căn cứ Quyết định 2359/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính;

Căn cứ Quyết định số 2053 ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;



Căn cứ Công văn số 4126/BTNMT-BĐKH ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Giang thực hiện Chương trình hành động số 93-CTr/TU ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (khóa XV);

Căn cứ Quyết định số 206/2016/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2016 Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ chuyên môn: Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, đánh giá khí hậu, xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 418/TTr-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TTr UBND tỉnh phụ trách;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh phụ trách;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (đc hải-TN, Hùng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tiến

Phụ lục:

**KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN THỎA THUẬN PARIS VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(kèm theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 15/12/2019 của UBND tỉnh)

I. TỔNG QUAN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN TỈNH HÀ GIANG

Biến đổi khí hậu (BĐKH) và những tác động của nó đã và đang là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới. Việt Nam là một trong 5 nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi BĐKH và nước biển dâng. Biểu hiện chủ yếu của BĐKH là sự nóng lên trên toàn cầu mà nguyên nhân chính bắt nguồn từ sự phát thải quá mức vào khí quyển các chất gây hiệu ứng nhà kính do hoạt động kinh tế và xã hội trên trái đất. Sự tăng lên của nhiệt độ toàn cầu tác động mạnh mẽ đến lượng mưa và sự gia tăng các hiện tượng khí hậu, thời tiết cực đoan... Hệ quả tiếp theo là nước biển dâng và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực ven biển, làm ngập hoặc nhiễm mặn nhiều diện tích ruộng đất; làm mất dần rừng ngập mặn, gia tăng chi phí cho việc tu bổ các công trình cầu cảng, đô thị ven biển... Trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm trên toàn cầu đã tăng khoảng 0,5-0,7°C. BĐKH thực sự đã làm cho thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng khốc liệt hơn. Những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển do BĐKH sẽ dẫn đến các tác động đối với kinh tế xã hội và môi trường, các tác động có thể là tác động trực tiếp hay gián tiếp, tác động tích cực hay tiêu cực.

Thỏa thuận Paris về khí hậu được thông qua tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về BĐKH lần thứ 21 (COP21), là văn bản pháp lý toàn cầu đầu tiên ràng buộc trách nhiệm của tất cả các bên trong ứng phó với BĐKH. Trách nhiệm này đã được các bên cam kết thông qua “Đóng góp do quốc gia tự quyết định”-NDC.

Là một trong những quốc gia chịu nhiều tác động của BĐKH, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều giải pháp để ứng phó với BĐKH thông qua xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và Tăng trưởng xanh (TTX). Đây là những định hướng chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề BĐKH một cách căn cơ, bền vững trong nhiều thập kỷ tiếp theo và là nội dung chủ đạo khi xây dựng cam kết nêu trong INDC của Việt Nam trình Liên Hợp Quốc tháng 09 năm 2015. Việt Nam đã cam kết với quốc tế về mục tiêu giảm phát thải KNK thì đến năm 2030, bằng nguồn lực trong nước sẽ giảm 8% tổng lượng phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường và có thể lên đến 25% khi nhận được hỗ trợ quốc tế. Do đó, tỉnh Hà Giang cần phải đẩy mạnh những giải pháp về giảm nhẹ phát thải KNK để giúp Việt Nam có thể thực hiện được cam kết của mình.

Hà Giang là một tỉnh miền núi, nằm trong khu vực địa bàn vùng núi cao phía Bắc lãnh thổ Việt Nam với địa hình tương đối đa dạng và phức tạp, có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa với mùa đông lạnh tạo ra nhiều đặc sản có giá trị, là tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với các phong tục tập quán khác nhau tạo nên nhiều nét văn hóa riêng và độc đáo trong cả nước nhằm thu hút lượng lớn khách du lịch lớn đối với địa phương trong những năm trở lại đây. Công tác ứng phó với BĐKH trong những năm qua của tỉnh Hà Giang đã được quan tâm thực hiện và thu được những kết quả nhất định; tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục và tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Theo kịch bản BĐKH và nước biển dâng năm 2016, cơ sở dữ liệu Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và BĐKH, vào giữa thế kỷ 21 (*thời kỳ 2046-2065*), nhiệt độ trung bình năm tỉnh Hà Giang tăng lên $1,7^{\circ}\text{C}$ và sẽ tăng $2,3^{\circ}\text{C}$ vào cuối thế kỷ 21 (*thời kỳ 2080-2099*), như vậy, nhiệt độ trung bình tỉnh Hà Giang tăng $0,6^{\circ}\text{C}$ từ giữa thế kỷ đến cuối thế kỷ 21 so với thời kỳ cơ sở theo kịch bản RCP4.5. Theo kịch bản RCP 8.5, nhiệt độ trung bình năm tỉnh Hà Giang có mức tăng $2,2^{\circ}\text{C}$, đến cuối thế kỷ, nhiệt độ trung bình năm tăng $3,9^{\circ}\text{C}$ (*tăng $1,7^{\circ}\text{C}$ từ giữa thế kỷ đến cuối thế kỷ 21 so với thời kỳ cơ sở*). Đối với lượng mưa, theo kịch bản RCP4.5, lượng mưa trung bình năm, lượng mưa mùa đông, lượng mưa mùa xuân, lượng mưa mùa hè, lượng mưa mùa thu tại tỉnh Hà Giang đều có xu thế tăng ở tất cả các thời kỳ so với thời kỳ cơ sở (1986-2005), lượng mưa tăng nhiều nhất vào cuối thế kỷ 21 và mùa thu là mùa có mức gia tăng lượng mưa lớn nhất là 15,4%. Chỉ riêng lượng mưa mùa đông thời kỳ 2046-2065 lại có xu thế giảm với mức giảm 1,3%. Theo kịch bản RCP8.5, vào giữa và cuối thế kỷ 21, lượng mưa trung bình năm, lượng mưa mùa hè tại tỉnh Hà Giang đều có xu thế tăng, lượng mưa tăng nhiều nhất vào cuối thế kỷ 21. Lượng mưa mùa đông, lượng mưa mùa xuân và lượng mưa mùa thu lại có xu thế tăng giảm khác nhau ở từng thời kỳ của kịch bản.

Dựa trên Kịch bản BĐKH được xây dựng và dự báo cho tỉnh Hà Giang, một số tác động chính của BĐKH đến tỉnh Hà Giang như sau:

- Tác động của BĐKH đối với thiên tai, con người, cây trồng và vật nuôi, như làm tăng tần số, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, tố, lốc... các thiên tai liên quan đến nhiệt độ và mưa như thời tiết khô nóng, rét đậm rét hại, lũ quét, hạn hán, các dịch bệnh trên người, trên gia súc, gia cầm và trên cây trồng.

- Tác động của BĐKH đối với tài nguyên nước, như chế độ mưa thay đổi có thể gây lũ quét, trượt sạt lở đất nghiêm trọng vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô, gây khó khăn cho việc cấp nước.

- Tác động của BĐKH đối với nông nghiệp và an ninh lương thực, như tác động đến sinh trưởng, năng suất cây trồng, thời vụ gieo trồng, làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh hại cây trồng, ảnh hưởng đến sinh sản, sinh trưởng của gia súc, gia cầm, làm tăng khả năng sinh bệnh, truyền dịch của gia súc, gia cầm, gây nguy cơ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.

- Tác động đến lâm nghiệp thông qua nhiệt độ và mức độ khô hạn gia tăng cũng làm tăng nguy cơ cháy rừng, phát triển sâu bệnh, dịch bệnh,...

- Tác động của BĐKH đối với giao thông vận tải như hiện tượng sạt lở đất làm vùi lấp, xói lở các tuyến đường giao thông, mưa lũ lớn làm cuốn trôi các cầu cống và công trình giao thông khác.

- Tác động của BĐKH đối với công nghiệp và xây dựng như phải đối mặt nhiều hơn với nguy cơ ngập lụt và thách thức trong tiêu thoát nước ở các đô thị. Đối mặt với các nguy cơ mưa lũ cuốn trôi các công trình xây dựng,...

- Tác động của BĐKH đối với sức khỏe con người như nhiệt độ tăng, tác động tiêu cực đối với sức khỏe con người, dẫn đến gia tăng một số nguy cơ đối với tuổi già, người mắc bệnh tim mạch, bệnh thần kinh; Làm tăng khả năng xảy ra một số bệnh nhiệt đới như sốt rét, sốt xuất huyết, số lượng người bị bệnh nhiễm khuẩn dễ lây lan. Làm tăng số người chết do thiên tai; Tăng nghèo đói do giảm thu nhập, mất nhà cửa. Những đối tượng dễ bị tổn thương nhất là những nông dân nghèo, các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, người già, trẻ em và phụ nữ.

- Tác động lớn đến đời sống dân cư, xã hội. BĐKH làm gia tăng các trận lũ quét, sạt lở đất dẫn đến việc di dân khỏi vùng bị thiên tai theo đó cuộc sống của người dân sẽ gặp nhiều xáo trộn.

Thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; Công văn số 199/TTg-QHQT ngày 08/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai kết quả Hội nghị COP22; Công văn số 4126/BTNMT-BĐKH ngày 11/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ đã cho thấy, việc xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn tỉnh Hà Giang là yêu cầu quan trọng và cần thiết nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu giảm phát thải theo như đã cam kết của Việt Nam.

II. MỤC TIÊU

Xác định và triển khai các hoạt động, giải pháp phù hợp đến năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2030 để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH tỉnh Hà Giang.

III. YÊU CẦU

- Bám sát nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH;

- Phù hợp với chức năng nhiệm vụ, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của tỉnh Hà Giang;

- Kế thừa các kết quả đã đạt được và tiếp tục các hoạt động ứng phó với BĐKH, bổ sung các yêu cầu mới và tận dụng những cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại;

- Có sự tham gia của các bên liên quan vào các nội dung phù hợp trong kế hoạch;

- Đảm bảo tính khả thi về thời gian, nguồn lực thực hiện, tính hiệu quả và kết quả đầu ra;

- Tạo cơ hội để các doanh nghiệp tham gia đầu tư, đặc biệt là các hoạt động phát triển và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

- Đảm bảo khả năng kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện cũng như kết quả đầu ra

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris trên địa bàn tỉnh Hà Giang được phân kỳ theo 2 giai đoạn: Giai đoạn đến năm 2021 và giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn đến năm 2021

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris;

- Thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh (*dự án: Hệ thống cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng, rừng đặc dụng, chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang*);

- Thực hiện Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Hà Giang; các hoạt động về thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp (*Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 17/01/2017 của UBND tỉnh về thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Hà Giang đến năm 2020*);

- Rà soát, đề xuất danh mục các dự án ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh (*Ưu tiên dự án thực hiện các cam kết trong đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế*).

- Lồng ghép các vấn đề BĐKH và tăng trưởng xanh vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển (*xây dựng quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045*);

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi sở, ban ngành và UBND cấp huyện có đầu mối xử lý các vấn đề BĐKH;

- Thực hiện các hoạt động khác về thích ứng với BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

2. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn từ năm 2021 đến 2030.

a. Nhóm nhiệm vụ 1: Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Tính toán và cập nhật phát thải khí nhà kính cho tỉnh Hà Giang định kỳ 02 năm một lần cho các năm 2022, 2024, 2026 và 2028;

- Rà soát đánh giá hiệu quả các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính đã thực hiện trong giai đoạn đến năm 2030;

- Cập nhật mục tiêu và kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cho tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của tỉnh.

b. Nhóm nhiệm vụ 2: Thích ứng với BĐKH

- Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân sinh phù hợp với BĐKH;

- Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 dựa trên kịch bản BĐKH;

- Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, lũ lụt, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

- Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực nước sông; đảm bảo an ninh nguồn nước; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới; đảm bảo an ninh nguồn nước;

- Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng;

- Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh;

- Rà soát, điều chỉnh quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BĐKH gắn với xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội;

- Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng dân cư, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên các cộng đồng dễ bị tổn thương;

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh (*dự án: Hệ thống cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng, rừng đặc dụng, chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang*)

- Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư trên cơ sở kịch bản BĐKH;

- Xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải.

c. Nhóm nhiệm vụ 3: Chuẩn bị nguồn lực con người

- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực về ứng phó với BĐKH cho cán bộ làm công tác quản lý.

d. Nhóm nhiệm vụ 4: Triển khai hệ thống công khai minh bạch

- Rà soát và đánh giá hiệu quả của hệ thống công khai, minh bạch được xây dựng và triển khai thí điểm đến năm 2030;

- Hoàn thiện hệ thống công khai, minh bạch dựa theo những yêu cầu mới về đàm phán BĐKH, phù hợp với bối cảnh trong nước và địa phương;

e. Nhóm nhiệm vụ 5: Tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức đầu tư thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường các-bon trong nước và quốc tế để trao đổi và mua bán tín chỉ giảm phát thải;

f. Nhóm nhiệm vụ 6: Xây dựng và hoàn thiện chính sách.

- Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề BĐKH và tăng trưởng xanh vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển;

- Tăng cường điều phối giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong ứng phó với BĐKH.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch.

- Làm cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

Chủ động lồng ghép các nguồn lực để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục đảm bảo thời gian, chất lượng.

3. Chế độ báo cáo:

- Các Sở, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao với UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban quốc gia về BĐKH trước ngày 31 tháng 10 hàng năm

UBND tỉnh yêu cầu các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.



**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
THỎA THUẬN PARIS VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2030**

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|--|--|---------------|---|--------------------|--------------|--------------------------|---|--|--|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| I Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính | | | | | | | | | | | |
| NV16 | Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia | Khuyến khích | Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện tỉnh Hà Giang | | x | Sở TN&MT | Các Sở: CT, NN&PTNT, XD, GTVT và các doanh nghiệp liên quan | - Mục tiêu: Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các ngành/linh vực tỉnh Hà Giang. - Kết quả: Báo cáo các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện tỉnh Hà Giang đối với các ngành/linh vực | Theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| II. Nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu | | | | | | | | | | | |
| NV21 | Thực hiện Chương trình mục | Ưu tiên | Dự án: Hệ thống cấp nước Suối | | x | Ban quản lý dự án ĐTXD | Các Sở, ngành, UBND | - Mục đích: Cung cấp nước chi hồ điều hòa | NQ số 73/NQ-CP(ngày | Ngân sách trung | 2021-2025 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|---------------|---|--------------------|--------------|--------------------------------|------------------------------------|--|--|--------------------------------------|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | tiêu ứng phó với BĐKH và TTX | | Sứu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trông, bảo vệ rừng, rừng đặc dụng, chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang. | | | công trình Nông nghiệp và PTNT | huyện Vị Xuyên, thành phố Hà Giang | tại xã Phong Quang rộng 10 ha tại khu quy hoạch Phong Quang, hồ điều hòa sinh thái vừa là hồ điều tiết và cung cấp nước lâu dài, ổn định và bền vững cho các nguồn sử dụng, vừa là hồ cảnh quan và sinh thái khu vực; cung cấp nguồn nước thô cho hệ thống cấp nước sinh hoạt phục vụ 40.000 dân trong khu vực; cung cấp nguồn nước tưới tiêu phục vụ nông nghiệp cho toàn | 26/8/2016 của Chính phủ | ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế | |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|----------------------------|---|--------------------|--------------|--------------------------|---|---|--|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | | | | | | | | bộ khu vực 1.000 ha; dự trữ nguồn nước cho công tác trồng và bảo vệ rừng - Sản phẩm: Hệ thống cấp nước được xây dựng | | | |
| NV23 | Thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững | Ưu tiên | Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững phù hợp với điều kiện của tỉnh | | x | Sở NN&PTNT | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | - Mục tiêu: Nhằm phát triển ngành lâm nghiệp bền vững; - Sản phẩm: Báo cáo về phát triển bền vững lâm nghiệp | NQ số 73/NQ-CP(ngày 26/8/2016) | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; | 2021-2-30 |
| NV27 | Hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Ứng dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công | | x | Sở XD | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | - Mục tiêu: Hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng | Luật BVMT, Luật XD | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hồ | 2021-2030 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|---------------|--|--------------------|--------------|--------------------------|---|--|---|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | trình công cộng và dân sinh phù hợp với bối cảnh BDKH | | trình công cộng và dân sinh phù hợp với bối cảnh BDKH | | | | | và dân sinh - Sản phẩm: Báo cáo hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật | | trợ quốc tế; | |
| NV28 | Xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch dân cư, cơ sở hạ tầng dựa trên kịch bản BDKH có chú trọng đến các ngành và vùng trọng điểm | Ưu tiên | Thực hiện Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 dựa trên kịch bản BDKH. | | x | Sở KH&ĐT | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | - Mục tiêu: Xây dựng, điều chỉnh Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 dựa trên kịch bản BDKH - Sản phẩm: Báo cáo Quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BDKH | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |



| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|---|----------------------------|---|--------------------|--------------|--------------------------|---|--|---|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | | | | | | | | dựa trên kịch bản BĐKH | | | |
| NV29 | Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác | x | | Sở NN&PTNT | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu: hạn chế những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai đến đời sống của nhân dân Sản phẩm: các dự án, công trình được triển khai thực hiện | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|---|----------------------------|--|--------------------|--------------|--------------------------|--------------------------------------|---|---|---------------------|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất. | | bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất. | | | | | | | | |
| NV30 | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới; đảm bảo an ninh nguồn nước | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Điều chỉnh Quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Hà Giang trên cơ sở kịch bản BĐKH | | x | Sở TN&MT | Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố | - Mục tiêu: Điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước cấp tỉnh có tính đến yếu tố BĐKH - Sản phẩm: Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Giang | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách tỉnh | 2021-2023 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|---|----------------------------|---|--------------------|--------------|--------------------------|---|--|--|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| NV31 | Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển. | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn | x | | Sở NN&PTNT | Các Sở, ngành, UBND huyện, thành phố | - Mục tiêu: duy trì nâng cao chất lượng rừng; tạo sinh kế cho nhân dân để tham gia bảo vệ và phát triển rừng - Sản phẩm: diện tích và chất lượng rừng trên địa bàn tỉnh được nâng cao | Luật lâm nghiệp; Luật phòng chống thiên tai, Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng | 2021-2030 |
| NV32 | Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang | | x | Sở NN&PTNT | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | - Mục tiêu: phát triển nông thôn mới phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang; - Sản phẩm: Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới phù | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách Tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp cộng đồng | 2021-2030 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|----------------------------|---|--------------------|--------------|--|------------------|---|---|--|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh | | | | | | | hợp với tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang. | | | |
| NV35 | Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Dự án thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái rừng tại các huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang | x | | Các Sở: TN&MT, Các Sở, Ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | | - Mục tiêu: Nhằm thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái rừng - Sản phẩm: Báo cáo thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái rừng | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách Tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp cộng đồng | 2021-2030 |



| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|----------------------------|--|--------------------|--------------|--------------------------|---|---|---|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | bản địa, ưu tiên công đồng để bị tổn thương nhất. | | | | | | | | | | |
| III | Chuẩn bị nguồn lực | | | | | | | | | | |
| 1 | Chuẩn bị nguồn lực con người | | | | | | | | | | |
| NV39 | Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại Cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại Cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris | | x | Sở Nội vụ | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ | - Mục tiêu: Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thích ứng với BĐKH - Sản phẩm: Báo cáo dự án Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại Cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; | 2021-2030 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|----------------------------|--|--------------------|--------------|---------------------------|---|--|---|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | | | | | | | | câu thực hiện Thỏa thuận Paris | | | |
| 2 | Chuẩn bị nguồn lực công nghệ | | | | | | | | | | |
| NV41 | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở Việt Nam. | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở tỉnh Hà Giang | x | | Sở thông tin truyền thông | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành phố liên quan | <p>- Mục tiêu: Đẩy mạnh công tác Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở tỉnh Hà Giang nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH.</p> <p>- Sản phẩm: Báo cáo Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở tỉnh Hà Giang.</p> | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; | 2021-2030 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|--|----------------------------|--|--------------------|--------------|--------------------------|---------------------------------|---|---|---|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| NV43 | Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện Việt Nam. | Ưu tiên tiếp tục thực hiện | Áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm phù hợp với điều kiện BĐKH trên địa bàn tỉnh Hà Giang | | x | Sở KH&CN | Các Sở NN&PTNN; Sở TNMT | <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu: Nhằm sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước mặt của tỉnh trong sản xuất và đời sống của người dân Sản phẩm: Báo cáo áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm phù hợp với điều kiện BĐKH trên địa bàn tỉnh Hà Giang | Thỏa thuận Paris, Chiến lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; | 2021-2030 |
| IV | Thiết lập hệ thống công khai, minh bạch cho thích ứng với BĐKH | | | | | | | | | | |
| VI | Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế | | | | | | | | | | |
| NV65 | Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề | Bắt buộc | Thực hiện lồng ghép vấn đề BĐKH và | x | | Sở KH&ĐT | Các Sở, ngành, UBND huyện/thành | - Mục tiêu: vấn đề BĐKH và TTX vào trong các chính sách, | Thỏa thuận Paris, Chiến | Ngân sách trung ương, | 2021-2030 |

| Nhiệm vụ số | Tên và loại nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg | Loại nhiệm vụ | Tên nhiệm vụ cấp tỉnh | Loại nhiệm vụ | | Phân công các Sở, đơn vị | | Mục tiêu, kết quả chính đạt được | Chương trình, dự án, văn bản pháp lý liên quan | Nguồn lực tài chính | Năm hoàn thành |
|-------------|---|---------------|---|--------------------|--------------|--------------------------|------------------|--|--|---------------------------------|----------------|
| | | | | Nhiệm vụ lồng ghép | Nhiệm vụ mới | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | | | | |
| | BDKH và TTX vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển | | TTX vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển | | | | phổ liên quan | quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển - Sản phẩm: Báo cáo lồng ghép TTX vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển | lược quốc gia về ứng phó với BĐKH | ngân sách tỉnh; Hỗ trợ quốc tế; | |